

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Vương**

* Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Cao Hữu Lý**

2. Ông **Nguyễn Nam Lương**

* Thư ký ghi biên bản: Bà **Lê Thị Thúy Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** – Sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh B.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh P** – sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C1, tỉnh K.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành Phố C1, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn ngày 18/4/2019, bản tự khai ngày 02/5/2019, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 17/7/2019, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau từ năm 2013. Được ủy ban nhân dân phường P,

thành phố P, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162, quyển số 01/2013, ngày 26/12/2013.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh P sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là từ khi vợ chồng sinh con, việc làm không ổn định, dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được, anh P thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo tới vợ con, chị T đã bỏ qua nhiều lỗi của anh P để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng anh P không thay đổi. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa, nay chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Nguyên K - sinh ngày 12/02/2014, hiện nay cháu K do chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vợ chồng ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Trần Nguyên K cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng đối với anh Nguyễn Minh P, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục niêm yết, các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Minh P vẫn không cung cấp ý kiến của mình và không tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn anh Nguyễn Minh P đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Điều 72 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao khai sinh của cháu Nguyễn Trần Nguyên K, bản sao chứng minh nhân dân của chị Trần Thị T, bản sao sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trần Thị T.

Ngày 28/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố C tiến hành xác minh về nơi cư trú của anh Nguyễn Minh P tại Tổ dân số H, phường C, thành Phố C1, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 06/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố C tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P tại tổ dân số H, phường C, thành Phố C1, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 10/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P tại khu phố 5, phường P, thành phố P, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giải quyết về việc “Ly hôn” đối với anh Nguyễn Minh P nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Minh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P.

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau từ năm 2013. Được ủy ban nhân dân phường P, thành phố P, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 162, quyển số 01/2013, ngày 26/12/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

- *Quá trình chung sống:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị Trần Thị T cho rằng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là từ khi vợ chồng sinh con, việc làm không ổn định, dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau, không thể hòa giải được, anh P thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo tới vợ con, chị T đã bỏ qua nhiều lỗi của anh P để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng anh P không thay đổi. Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không có thời gian gần gũi, cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà mỗi người sống một nơi, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh P.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là hoàn toàn có cơ sở và cần được chấp nhận, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Nguyên K - sinh ngày 12/02/2014. Vợ chồng ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án giao cháu Nguyễn Trần Nguyên K cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc giao con chưa thành niên cho người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nhằm để con phát triển tốt về thể chất và tinh thần, hiện nay cháu Nguyễn Trần Nguyên K đang sống ổn định với chị T, cháu K còn nhỏ, chưa đủ 7 tuổi nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ; nay chị T yêu cầu được nuôi cháu K. Vì vậy cần áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của chị T về không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. **Về án phí:** Chị Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Minh P.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Nguyên K - sinh ngày 12/02/2014 cho chị Trần Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Minh P không cấp dưỡng nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000384 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Chị Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Minh P có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP C;
- THADS TP C;
- UBND phường P,
- TP P, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương